

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO L
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Bản án: 28/2023/HNGĐ- ST

Ngày: 18-5-2023.

V/v “Xin ly hôn ” giữa chị *Bùi*

Thị Xuân H và anh *Lê Chánh*

T

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO L

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đình Phong** – Thẩm phán.

- Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông **Lê Hùng Anh**.

- Ông **Phạm Đức Minh**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trương Quang Vũ** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

Hôm nay, ngày 18 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 69/2023/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2023 về việc “xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị Xuân H**, sinh năm: 1984

Địa chỉ: Thôn Đức Giang 1, xã Lộc Đức, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Anh **Lê Chánh T**, sinh năm: 1981

Địa chỉ: Thôn Vạn Trung, xã Phổ Phong, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi
(Chị H anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08-3-2023 và những lời trình bày của nguyên đơn thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Chị *Bùi Thị Xuân H* và anh *Lê Chánh T* chung sống với nhau từ năm 2010 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lộc Đức, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng. Việc chung sống và đăng ký kết hôn là hoàn T tự nguyện, sau khi chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay không quan tâm chăm sóc đến nhau, do tình cảm vợ chồng không còn nên chị H xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Quá trình chung sống chị *Bùi Thị Xuân H* và anh *Lê Chánh T* có 01 người con chung tên là *Lê Châu Ngọc D*, sinh ngày 20/9/2011, khi ly hôn chị H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu D cho đến tuổi trưởng thành, chị H yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung là cháu D với số tiền 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Lê Chánh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Chánh T và chị Bùi Thị Xuân H chung sống với nhau từ năm 2010 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lộc Đức, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng. Việc chung sống và đăng ký kết hôn là hoàn T tự nguyện, sau khi chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng nhau về quan điểm sống nên đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay không quan tâm chăm sóc đến nhau, do tình cảm vợ chồng không còn nên chị H làm đơn xin ly hôn, anh T cũng đồng ý được ly hôn với chị H

Về con chung: Quá trình chung anh Lê Chánh T với chị Bùi Thị Xuân H có 01 người con chung tên là Lê Châu Ngọc D, sinh ngày 20/9/2011 khi ly hôn anh T đồng ý giao con chung là cháu D cho chị H nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung là cháu D với số tiền 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Ngày 18/4/2023 Tòa án nhân dân huyện Bảo L nhận được đơn đề nghị không tiến hành hòa giải của chị Bùi Thị Xuân H và đơn đề nghị vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử của chị Bùi Thị Xuân H và anh Lê Chánh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và việc vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Ngày 06/4/2023 chị Bùi Thị Xuân H và anh Lê Chánh T có đơn lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng giải quyết vụ án ly hôn giữa chị H và anh T. Ngày 18/4/2023 Tòa án nhân dân huyện Bảo L nhận được đơn đề nghị vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử của chị Bùi Thị Xuân H và anh Lê Chánh T, căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng và việc xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Xuân H và anh Lê Chánh T chung sống với nhau từ năm 2010 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lộc Đức, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng. Việc chung sống và đăng ký kết hôn là hoàn T tự nguyện, sau khi chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay không quan tâm chăm sóc đến nhau, do tình cảm vợ chồng không còn nên chị H xin được ly hôn với anh T, anh T cũng đồng ý được ly hôn với chị H, chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, thời gian sống ly thân đã kéo dài. Do vậy áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và

gia đình năm 2014 cần xử cho chị Bùi Thị Xuân H và anh Lê Chánh T được ly hôn với nhau là có cơ sở và đúng pháp luật.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống chị Bùi Thị Xuân H và anh Lê Chánh T có 01 người con chung tên là Lê Châu Ngọc D, sinh ngày 20/9/2011 khi ly hôn chị H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu D cho đến tuổi trưởng thành, chị H yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung là cháu D với số tiền 1.000.000 đồng/tháng. Anh T cũng đồng ý giao con chung là cháu D cho chị H nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 1.000.000 đồng/tháng.

Do vậy cần áp dụng Điều 81, Điều 82 **Luật** Hôn nhân và gia đình năm 2014. Giao con chung là Lê Châu Ngọc D, sinh ngày 20/9/2011 cho chị H nuôi dưỡng đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 1.000.000 đồng/ tháng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 5/2023.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Bùi Thị Xuân H và anh Lê Chánh T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cần buộc chị H phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm xin ly hôn, anh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 207; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản **1 Điều 51, khoản 1 Điều 56;** Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

1/ Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Xuân H về việc “ xin ly hôn ” với anh Lê Chánh T.

Xử cho chị **Bùi Thị Xuân H** và anh **Lê Chánh T** được ly hôn với nhau.

2/ Về con chung: Giao con chung là Lê Châu Ngọc D, sinh ngày 20/9/2011 cho chị Bùi Thị Xuân H nuôi dưỡng cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi, Buộc anh Lê Chánh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là cháu D với số tiền 1.000.000 (Một triệu) đồng/ tháng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 5/2023.

“Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn cũng như việc thăm nom, chăm sóc con theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình”.

“Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án

theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”.

3/Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc chị Bùi Thị Xuân H phải nộp 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm xin ly hôn. Được trừ vào số tiền 300.000đ chị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0012739 ngày 06/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

Buộc anh Lê Chánh T phải nộp 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con.

Báo cho các đương sự vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án (Hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự), để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo L;
- Chi cục THADS huyện Bảo L;
- UBND xã Lộc Đức, huyện Bảo L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Đình Phong

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hùng Anh Phạm Đức Minh

Nguyễn Đình Phong

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo L;
- Chi cục THADS huyện Bảo L;
- UBND thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đình Phong

.

